

Số: 393~~4~~/QĐ-UBND

An Thi, ngày 09 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước

Căn cứ Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư;

Căn cứ các Quyết định của UBND huyện An Thi: Số 4680^b/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa nhà văn hóa trung tâm huyện An Thi phục vụ Đại hội huyện khóa XXVI, nhiệm kỳ 2020-2025; số 4893^b/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế-kỹ thuật xây dựng công trình: Sửa chữa nhà văn hóa trung tâm huyện An Thi phục vụ Đại hội huyện khóa XXVI, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Kết luận thanh tra số 32/KL-TTr ngày 06/8/2021 của Thanh tra tỉnh Hưng Yên về trách nhiệm của Chủ tịch UBND huyện An Thi trong việc thu chi, quản lý sử dụng các nguồn kinh phí năm 2020;

Căn cứ Biên bản số 108/BB-TCKH ngày 11/8/2021 của phòng Tài chính-Kế hoạch về việc thẩm tra quyết toán công trình hoàn thành, công trình: Sửa chữa nhà văn hóa trung tâm huyện An Thi phục vụ Đại hội huyện khóa XXVI, nhiệm kỳ 2020-2025;

Xét đề nghị của bộ phận Tài chính-Kế toán về việc phê duyệt quyết toán công trình: Sửa chữa nhà văn hóa trung tâm huyện An Thi phục vụ Đại hội huyện khóa XXVI, nhiệm kỳ 2020-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành.

1. Tên công trình: Sửa chữa nhà văn hóa trung tâm huyện An Thi phục vụ Đại hội huyện khóa XXVI, nhiệm kỳ 2020-2025.

2. Chủ đầu tư: Trung tâm Văn hóa, thể thao và Du lịch huyện An Thi.

3. Địa điểm xây dựng: TT An Thi, Huyện An Thi, tỉnh Hưng Yên.

4. Thời gian thực hiện: Năm 2019-2020.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư

Điều 2. Kết quả đầu tư**1. Nguồn vốn đầu tư**

ĐVT: Đồng

Nguồn vốn	TMĐT được duyệt	Giá trị phê duyệt quyết toán	Thực hiện	
			Số vốn đã được thanh toán	Còn được thanh toán
1	2	3	4	5=3-4
Tổng số (làm tròn)	1.131.935.000	1.044.864.000	1.038.719.000	6.144.800
Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	1.131.935.000	1.044.864.000	1.038.719.000	6.144.800

2. Chi phí đầu tư

ĐVT: đồng

Nội dung	TMĐT được duyệt	Chi phí đầu tư được quyết toán
Tổng số (làm tròn)	1.131.935.000	1.044.864.000
Chi phí xây dựng	885.283.411	916.268.000
Chi phí QLDA	29.055.002	29.055.000
Chi phí tư vấn ĐTXD	97.355.458	93.396.000
Chi phí khác	66.339.144	6.144.800
Chi phí dự phòng	53.901.651	0

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.**4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư.**

ĐVT: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
1	2	3	4	5
Tổng số	1.044.864.000			
1. Tài sản cố định	1.044.864.000			
2. Tài sản lưu động				

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan**1. Trách nhiệm của chủ đầu tư**

Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư xây dựng công trình là:

ĐVT: đồng

Nguồn vốn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	1.044.864.000	
Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	1.044.864.000	

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản.

ĐVT: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định	Tài sản lưu động
Trung tâm Văn hóa, thể thao và Du lịch huyện Ân Thi	1.044.864.000	

Tổng số các khoản công nợ tính đến thời điểm quyết toán

Tổng số vốn đã thanh toán: **1.038.719.000 đồng.**

Số nợ phải trả: **6.145.800 đồng.**

Số nợ phải thu: **0 đồng.**

Điều 4. Tổ chức thực hiện

- Giá trị đầu tư công trình được phê duyệt quyết toán làm căn cứ để chủ đầu tư và đơn vị nhận bàn giao sử dụng ghi sổ và hạch toán theo đúng chế độ kế toán thống kê hiện hành.

- Giá trị tài sản được phê duyệt làm căn cứ để chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền bố trí đủ vốn để trả nợ khối lượng hoàn thành đã quyết toán.

Điều 5. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng các phòng, ngành: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng huyện; Kho bạc Nhà nước Ân Thi; Chủ đầu tư và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận: *gđ*

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hùng Cường

PHỤ LỤC CHI PHÍ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 3987 /QĐ-UBND ngày 09 / 9 /2021
của UBND huyện Ân Thi)

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Giá trị dự toán được duyet	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán
I	GIÁ TRỊ XÂY DỰNG	885.283.411	916.268.000	916.268.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	29.055.002	29.055.000	29.055.000
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	97.355.458	93.396.000	93.396.000
1	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	63.297.764	63.297.000	63.297.000
2	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT	3.958.280		
3	Chi phí giám sát thi công	30.099.414	30.099.000	30.099.000
IV	CHI PHÍ KHÁC	66.339.144	10.753.379	6.144.800
1	Chi phí bảo hiểm công trình	2.478.794		
2	Chi phí hạng mục chung	30.984.920		
3	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	10.753.379	10.753.379	6.144.800
4	Chi phí kiểm toán độc lập	19.922.051		
5	Chi phí thẩm định HSMT, HSYC	1.100.000		
6	Chi phí thẩm định kết quả LCNT	1.100.000		
V	DỰ PHÒNG PHÍ	53.901.651		
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	53.901.651		
Tổng cộng		1.131.934.666	1.049.472.379	1.044.863.800
Làm tròn		1.131.935.000	1.049.472.000	1.044.864.000